

PROMOTE THE DEVELOPMENT OF FARM ECONOMY IN BA CHE DISTRICT, QUANG NINH PROVINCE

Nguyen Thi Tam^{1*}, Le Thi Minh¹, Tran Viet Dung²

¹Thai Nguyen University, ²TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	15/3/2021	Farm economy is considered an advanced form of economic organization; and the development of farm economy is an inevitable and popular step of the agricultural production over the world. Recently, the farm economy in Ba Che district, Quang Ninh province has been gradually formed and developed, but has not yet met the actual and potential needs of the locality. The research aimed to assess the current situation of developing farm models in Ba Che district through data collection, comparison and accounting of production costs, descriptive statistics. The results showed that although many farms were granted certificates of farming and supported according to the mechanisms and policies of the district and province, they were operated ineffectively and confused in the management, organization of production, business and searching for markets. There remained many problems that need improvement, including the low level of farm owners' education and technical expertise, lack of capital for production and business accounted for a large proportion (60% of the total number of farms in the district), difficulty in consuming farm products (80%), lack of science and technology (60%), lack of information about the market economy... From the above situation, some suitable solutions were given to promote the development of farm economy in the district in the following time.
Revised:	11/5/2021	
Published:	11/5/2021	
KEYWORDS		
Farm		
Farm economy		
Development		
Ba Che district		
Quang Ninh province		

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TẠI HUYỆN BA CHÈ, TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Thị Tâm^{1*}, Lê Thị Minh¹, Trần Việt Dũng²

¹Đại học Thái Nguyên, ²Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	15/3/2021	Kinh tế trang trại được xem là hình thức tổ chức tiên tiến và phát triển kinh tế trang trại là bước đi tất yếu, phổ biến của tất cả các nền sản xuất nông nghiệp trên thế giới. Những năm qua, kinh tế trang trại tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã từng bước được hình thành và phát triển nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế và tiềm năng của địa phương. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng phát triển các mô hình trang trại trên địa bàn huyện Ba Chẽ qua thu thập số liệu, so sánh, hạch toán chi phí sản xuất, thống kê mô tả. Kết quả cho thấy, nhiều trang trại dù đã được cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại và được quan tâm hỗ trợ theo cơ chế, chính sách của huyện, tỉnh nhưng vẫn hoạt động kém hiệu quả, còn lúng túng trong việc quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh và tìm kiếm thị trường. Thêm vào đó là trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của chủ trang trại còn thấp; Số trang trại thiếu vốn sản xuất kinh doanh còn chiếm tỷ lệ lớn (60% tổng số trang trại tại huyện); sản phẩm của trang trại gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ chiếm 80%; thiếu khoa học kỹ thuật chiếm 60%; thiếu thông tin về kinh tế thị trường,... Từ thực trạng trên bài viết đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Ba Chẽ trong thời gian tới.
Ngày hoàn thiện:	11/5/2021	
Ngày đăng:	11/5/2021	
TỪ KHÓA		
Trang trại		
Kinh tế trang trại		
Phát triển		
Huyện Ba Chẽ		
Tỉnh Quảng Ninh		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4164>

* Corresponding author. Email: minhle@tnu.edu.vn

1. Mở đầu

Việt Nam hiện có hơn 29.853 trang trại, trong đó có 7.641 trang trại trồng trọt, 14.551 trang trại chăn nuôi, 4.241 trang trại thủy sản, 3.276 trang trại tổng hợp và 144 trang trại lâm nghiệp. Các mô hình trang trại phân bố đều khắp trong các vùng cả nước [1].

Trong những năm gần đây, nghiên cứu về sự phát triển của các mô hình kinh tế trang trại (KTTT) tại một số khu vực như Can Lộc (Hà Tĩnh), Rá Giai (Bạc Liêu)... đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu [2]-[5]. Mô hình này ngày càng được phát triển và nhân rộng. Qua nhiều nghiên cứu đã chỉ ra được những hạn chế cũng như khó khăn mà các mô hình KTTT đang gặp phải hiện nay.

Hiện nay, tại huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh KTTT đang tăng nhanh về số lượng với nhiều thành phần kinh tế tham gia, song quy mô đất đai còn hạn hẹp, vốn đầu tư chủ yếu là vốn tự có và vốn vay của cộng đồng, nguồn vốn vay tín dụng ngân hàng còn chiếm tỉ trọng thấp. Tính đến ngày 31/12/2019 tại huyện Ba Chẽ có 10 trang trại được cấp Giấy chứng nhận KTTT theo Thông tư số 27/2011/TT-BNN&PTNT [6]-[7]. Tuy nhiên, KTTT phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chưa hình thành được nhiều vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung, một số trang trại đã được cấp Giấy chứng nhận KTTT. Vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng phát triển KTTT tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh là vấn đề cần thiết để từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển mô hình KTTT.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

* *Số liệu thứ cấp*: Sử dụng phương pháp kế thừa, thu thập các thông tin, số liệu thứ cấp về mọi lĩnh vực của huyện bằng cách tiếp cận các báo cáo sơ kết, tổng kết; Chương trình, Kế hoạch của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ba Chẽ.

* *Số liệu sơ cấp*

Để hiểu rõ về thực trạng phát triển của các trang trại, nghiên cứu tiến hành khảo sát 10 trang trại đã được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh. Phương thức khảo sát được thực hiện thông qua phiếu khảo sát đã được soạn sẵn với các nội dung bao gồm thông tin chung về chủ trang trại, chi phí, kết quả và những khó khăn, nguyện vọng của trang trại.

2.2. Phương pháp xử lý, tổng hợp số liệu và phân tích

Số liệu điều tra trang trại sau khi thu thập đủ được kiểm tra, rà soát, loại bỏ những thông tin, số liệu bất hợp lý trong quá trình phỏng vấn và chuẩn hoá lại các thông tin làm cơ sở cho việc phân tổ và được nhập vào máy tính, tạo thành một cơ sở dữ liệu. Sử dụng phần mềm Excel để tính toán, tổng hợp đưa ra các bảng biểu, các chỉ tiêu nghiên cứu phù hợp với mục tiêu và nội dung đã đặt ra.

Các phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm thống kê mô tả và phương pháp so sánh nhằm làm rõ thực trạng về phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng về phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Ba Chẽ

Quảng Ninh là tỉnh ven biển, biên giới thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam và được ví như một Việt Nam thu nhỏ vì có cả biển, đảo, đồng bằng, trung du, đồi núi, biên giới; có điều kiện thuận lợi để phát triển KTTT. Những năm gần đây, KTTT đã có những bước phát triển mạnh ở các địa bàn trong tỉnh [8]. Tính đến hết tháng 12/2019, toàn tỉnh có 472 trang trại (17 dịch vụ trồng trọt, 230 dịch vụ chăn nuôi, 05 dịch vụ lâm nghiệp, 142 dịch vụ thủy sản và 78 dịch vụ tổng hợp), tăng 30 trang trại so với năm 2018 [9]. Trong đó, huyện Ba Chẽ là huyện miền núi vùng cao nằm

ở phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, cách thành phố Hạ Long hơn 75 km; Tổng diện tích của huyện là 60.855,56 ha; Dân số hơn 22.565 người; Huyện có 8 đơn vị hành chính (7 xã và 1 thị trấn). Cơ cấu phát triển kinh tế của huyện là: nông lâm nghiệp là chủ đạo, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ [10]. Huyện Ba Chẽ đã có nhiều chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại: Chính sách vay vốn sản xuất; chính sách đào tạo, tập huấn, học hỏi mô hình sản xuất giỏi đạt hiệu quả kinh tế cao; chính sách hỗ trợ cho thuê đất sản xuất.

3.1.1. Số lượng và phân loại các trang trại

Bảng 1. Số lượng trang trại chia theo đơn vị xã

STT	Địa điểm (xã)	Phân loại theo hướng kinh doanh chính				Tổng số
		Lâm nghiệp	Tổng hợp	Nuôi trồng thủy sản	Chăn nuôi	
	Tổng cộng	1	1	1	7	10
1	Lương Mông	-	-	-	-	0
2	Minh Cầm	-	-	-	-	0
3	Đạp Thanh	-	-	-	1	1
4	Thanh Lâm	-	-	-	3	3
5	Thanh Sơn	1	-	-	2	3
6	Nam Sơn	-	-	1	-	1
7	Đồn Đạc	-	-	-	-	0
8	Thị trấn	-	1	-	1	2

(Nguồn: Số liệu điều tra trang trại năm 2019)

Số liệu bảng 1 cho thấy, huyện Ba Chẽ có 08 đơn vị hành chính và tổng số trang trại trên địa bàn huyện là 10 trang trại. Trong đó, đơn vị có số trang trại nhiều nhất là xã Thanh Sơn có 3 trang trại (2 chăn nuôi gà và lợn, 1 trồng cây lâm nghiệp) và xã Thanh Lâm có 3 trang trại chăn nuôi gà; thị trấn Ba Chẽ có 02 trang trại (1 chăn nuôi vịt và 1 tổng hợp); xã Nam Sơn có 01 trang trại chăn nuôi lợn và xã Đạp Thanh có 01 nuôi trồng thủy sản. Đối với xã Lương Mông và Minh Cầm chưa có trang trại nào. Kết quả trên cho thấy, số trang trại chăn nuôi chiếm tỷ lệ cao (70%), số lượng trang trại lâm nghiệp, tổng hợp và nuôi trồng thủy sản còn ít và kém phát triển.

3.1.2. Đặc điểm cơ bản của chủ trang trại

Một trong những yếu tố quan trọng có tính quyết định để phát triển KTTT là khả năng tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của chủ trang trại. Kết quả được thể hiện cụ thể ở bảng 2.

Về giới tính: Qua số liệu thống kê cho thấy tỷ lệ nam là chủ trang trại chiếm tỷ lệ rất cao 90%; nữ chiếm tỷ lệ thấp 10%. Qua đó, có thể thấy các trang trại ở đây phát triển từ kinh tế hộ, theo tập quán Việt Nam chủ hộ thường là nam nên khi hình thành trang trại thì nam thường là chủ trang trại.

Nguồn gốc xuất thân của chủ trang trại phần lớn từ thành phần nông dân (chiếm 80%), thể hiện việc hình thành các trang trại chủ yếu xuất phát từ kinh tế hộ nông dân tại địa phương. Một số có nguồn gốc xuất thân khác là những người có điều kiện về vốn, có ý chí làm giàu thực hiện đầu tư phát triển KTTT.

Trình độ chuyên môn: 60% chủ trang trại không có bằng cấp chuyên môn; 20% có trình độ sơ cấp; 10% Trung cấp và Cao đẳng; Đại học trở lên 10%. Năng lực quản lý sản xuất kinh doanh, khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế.

Tuổi của chủ trang trại hiện đang có xu hướng trẻ hoá, trong đó 20% chủ trang trại dưới 30 tuổi, xuất hiện nhiều ở loại hình trang trại chăn nuôi và kinh doanh tổng hợp; 60% chủ trang trại ở độ tuổi từ 30 - 45, cao nhất là loại hình trang trại chăn nuôi; 10% ở độ tuổi từ 45 - 60; 10% ở độ tuổi trên 60.

Bảng 2. Thông tin cơ bản về chủ trang trại huyện Ba Chẽ

(Đơn vị tính: %)

Tiêu chí	Tổng số	Trong đó			
		Lâm nghiệp	Tổng hợp	Nuôi trồng thủy sản	Chăn nuôi
1. Phân theo giới tính	100				
Nam	90	10	10	10	60
Nữ	10	0	0	0	10
2. Chủ trang trại phân theo thành phần					
- Nông dân	80	10	0	10	60
- Cán bộ, viên chức	10	0	0	0	10
- Thành phần khác	10	0	10	0	0
3. Phân theo trình độ chuyên môn					
- Không có bằng cấp	60	10	10	0	40
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	20	0	0	0	20
- Trung cấp, cao đẳng	10	0	0	10	0
- Đại học trở lên	10	0	0	0	10
4. Phân theo độ tuổi					
- Dưới 30	20	10	0	0	10
- Từ 30 - 45	60	0	10	10	40
- Từ 46 đến 60	10	0	0	0	10
- Trên 60	10	0	0	10	0

(Nguồn: Số liệu điều tra trang trại năm 2019)

3.1.3. Về việc tiếp cận thông tin khoa học kỹ thuật của các trang trại

Hiện nay, công nghệ thông tin có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp khi các trang trại đang có xu hướng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn. Đối với huyện Ba Chẽ, trong tổng số 10 trang trại điều tra thì chỉ có 50% trang trại sử dụng máy vi tính, thư tin điện tử,... phục vụ sản xuất. Ngoài ra, hằng năm huyện Ba Chẽ kết hợp với Phòng Nông nghiệp của huyện mở các lớp tập huấn về chăn nuôi, trồng trọt cho người dân, có nhiều chương trình cho người dân đi học hỏi kinh nghiệm ở các tỉnh có mô hình trang trại phát triển và hiệu quả để người dân học hỏi và áp dụng vào đời sống. Tuy nhiên, trên thực tế số lượng trang trại của huyện còn ít, phát triển nhỏ lẻ, chưa tập trung. Nguyên nhân chủ yếu người dân gặp phải là cách thức tiếp cận khoa học kỹ thuật, nguồn vốn vay và nhất là đầu ra của sản phẩm sau khi sản xuất chưa có. Chính điều đó cho thấy các trang trại hiện nay chưa quan tâm đến ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất, chưa tìm hiểu thị trường, chưa tiếp cận được nguồn vốn và kỹ thuật trong chăn nuôi.

3.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của trang trại tại huyện Ba Chẽ**3.2.1. Về chi phí sản xuất**

Chi phí là một khoản kinh phí bắt buộc trong quá trình sản xuất, kinh doanh của các trang trại gồm chi phí thức ăn, con giống, cây trồng, máy móc và nguyên vật liệu... Kết quả tổng hợp về chi phí của 10 trang trại được thể hiện tại bảng 3.

Trang trại có tổng chi phí sản xuất cao nhất là nuôi trồng thủy sản với tổng kinh phí sản xuất là 620,5 triệu đồng/trang trại (trong đó chi phí trung gian 75,33%, chi phí khác 24,67%); tiếp theo đến trang trại chăn nuôi có tổng kinh phí sản xuất là 510,4 triệu đồng/trang trại (chi phí trung gian chiếm 72,4% và chi phí khác 27,6%); trang trại kinh doanh tổng hợp có tổng chi phí sản xuất là 477,2 triệu đồng/trang trại với tỷ lệ chi phí trung gian chiếm tỷ lệ 64,65%, chi phí khác chiếm tỷ 35,35%; trang trại trồng cây lâm nghiệp có tổng chi phí sản xuất là 280,56 triệu đồng/trang trại với tỷ lệ chi phí trung gian 55,50%, chi phí khác là 44,50%.

Bảng 3. Chi phí của trang trại năm 2019 (Tính bình quân cho 1 trang trại)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phân theo hướng kinh doanh chính	Tổng chi phí sản xuất	Trong đó			
			Chi phí trung gian (IC)	Tỷ trọng (%)	Chi phí khác	Tỷ trọng (%)
1	Trang trại trồng cây lâm nghiệp	280,56	155,7	55,50	124,86	44,50
2	Trang trại chăn nuôi	510,4	369,5	72,40	140,90	27,60
3	Trang trại nuôi thủy sản	620,5	467,43	75,33	152,97	24,67
4	Trang trại kinh doanh tổng hợp	477,2	308,5	64,65	168,70	35,35

(Nguồn: Số liệu điều tra trang trại năm 2019)

3.2.2. Về kết quả sản xuất

Bảng 4. Kết quả sản xuất của các trang trại năm 2019 (Tính bình quân cho 1 trang trại)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Phân theo hướng kinh doanh chính	Tổng giá trị SX (GO)	Giá trị gia tăng (VA)	Thu nhập hỗn hợp (MI)	VA/GO (lần)	MI/GO (lần)
1	Trang trại trồng cây lâm nghiệp	417,68	261,98	137,12	0,63	0,33
2	Trang trại chăn nuôi	696,94	327,44	186,54	0,47	0,27
3	Trang trại nuôi thủy sản	902,6	435,17	282,1	0,48	0,31
4	Trang trại kinh doanh tổng hợp	740,6	360,1	263,4	0,49	0,35
	Bình quân	689,45	346,17	217,29	0,52	0,31

(Nguồn: Số liệu điều tra trang trại năm 2019)

Bảng 4 cho thấy, tổng giá trị sản xuất bình quân năm 2019 là 689,45 triệu đồng/trang trại trong đó giá trị gia tăng bình quân là 346,17 triệu đồng/trang trại, thu nhập hỗn hợp bình quân là 217,29 triệu đồng/trang trại. Loại hình trang trại có tổng giá trị sản xuất cao nhất là trang trại nuôi trồng thủy sản với tổng giá trị sản xuất là 902,6 triệu đồng, giá trị gia tăng (VA) là 435,17 triệu đồng, thu nhập hỗn hợp (MI) là 282,1 triệu đồng. Trang trại nuôi trồng thủy sản phát triển bởi trong năm 2019 là năm tỉnh Quảng Ninh có nhiều chính sách thúc đẩy phát triển ngành du lịch, thu hút lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước đến, từ đó dẫn đến nhu cầu về các mặt hàng thủy sản tăng cao.

Kết quả trên cho thấy loại hình trang trại có tỷ trọng VA trong GO cao nhất là loại hình trang trại trồng lâm nghiệp với 0,63 lần, tiếp theo là loại hình trang trại kinh doanh tổng hợp là 0,49 lần; loại hình trang trại nuôi trồng thủy sản là 0,48 lần và thấp nhất là loại hình trang trại chăn nuôi với 0,47 lần. Loại hình có thu nhập hỗn hợp cao nhất là loại hình trang trại kinh doanh tổng hợp với MI bình quân/trang trại là 263,4 triệu đồng và tỷ trọng MI trong GO chiếm 0,35 lần; thấp nhất là loại hình trang trại chăn nuôi. Sở dĩ loại hình trang trại chăn nuôi đạt thu nhập hỗn hợp thấp vì trong năm 2019 giá lợn hơi xuống thấp kỷ lục, người dân và các trang trại chăn nuôi lợn bị thua lỗ, năm 2019 bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch tả lợn Châu Phi đã gây thiệt hại nặng nề cho ngành chăn nuôi của toàn quốc.

3.2.3. Về hiệu quả kinh tế

a) Tính bình quân cho 1 trang trại

Bảng 5. Hiệu quả sử dụng chi phí của các trang trại

(Đơn vị tính: lần)

TT	Phân theo hướng kinh doanh chính	GO/IC	VA/IC	MI/IC
1	Trang trại lâm nghiệp	2,68	1,68	0,88
2	Trang trại chăn nuôi	1,76	0,82	0,47
3	Trang trại nuôi thủy sản	1,93	0,93	0,60
4	Trang trại tổng hợp	2,4	1,17	0,85

(Nguồn: Số liệu điều tra trang trại năm 2019)

Hiệu quả sử dụng chi phí của các trang trại được thể hiện tại bảng 5 cho thấy: Giữa các loại hình trang trại với nhau thì trang trại sử dụng hiệu quả đồng vốn cao nhất là trang trại trồng cây lâm nghiệp (một đồng trồng cây lâm nghiệp IC tạo ra 2,68 đồng GO; 1,68 đồng VA và 0,88 đồng MI). Tiếp đến trang trại tổng hợp (một đồng đầu tư kinh doanh IC tạo ra 2,4 đồng GO; 1,17 đồng VA và 0,85 đồng MI); trang trại nuôi trồng thủy sản (một đồng nuôi trồng thủy sản IC tạo ra 1,93 đồng GO; 0,93 đồng VA và 0,60 đồng MI). Trang trại có hiệu quả sử dụng đồng vốn thấp là trang trại chăn nuôi (một đồng IC sẽ tạo ra 1,76 đồng GO; 0,82 đồng VA và 0,47 đồng MI). Đối với trang trại chăn nuôi, do ảnh hưởng của dịch bệnh như dịch tả lợn châu Phi, H5N1 ở gà, vịt; giá cả các yếu tố đầu vào tăng, bên cạnh đó do các yếu tố chi phí đầu vào cao, nên hiệu quả mang lại còn thấp, tuy nhiên thời gian quay vòng vốn nhanh hơn các mô hình khác.

Qua phân tích cho thấy, hiệu quả sử dụng chi phí của trang trại SXKD lâm nghiệp cao hơn các trang trại khác, bởi đồng vốn đầu tư, chi phí về lao động và chăm sóc ít hơn.

b) Tính bình quân cho 1 ha diện tích canh tác

Bảng 6. Hiệu quả sử dụng đất canh tác của các trang trại

ĐVT: triệu đồng

STT	Phân theo hướng kinh doanh chính	GO/1Ha	MI/1Ha
1	Trang trại lâm nghiệp	41,77	13,71
2	Trang trại chăn nuôi	69,69	18,65
3	Trang trại nuôi thủy sản	90,26	28,21
4	Trang trại tổng hợp	74,06	26,34

(Nguồn: Số liệu điều tra trang trại năm 2019)

Hiệu quả sử dụng đất canh tác của các trang trại tại bảng 6 cho thấy trang trại nuôi thủy sản có giá trị sản xuất và thu nhập hỗn hợp cao nhất trong 4 loại hình trang trại, tiếp theo là đến trang trại tổng hợp, trang trại chăn nuôi và trang trại lâm nghiệp. Sở dĩ các trang trại chăn nuôi có thu nhập hỗn hợp và giá trị sản xuất thấp vì trong năm 2019 là một năm đầy biến động của ngành chăn nuôi như giá thức ăn chăn nuôi biến động liên tục, dịch bệnh làm cho giá đầu ra của chăn nuôi biến động, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của các trang trại chăn nuôi. Có hiệu quả cao nhất trên 1 ha diện tích là ngành thủy sản với sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch trong năm 2019.

3.3. Những khó khăn, hạn chế trong phát triển kinh tế trang trại tại huyện Ba Chẽ

3.3.1. Những khó khăn và nguyện vọng từ phía các trang trại được điều tra

- Những khó khăn:

Bảng 7. Khó khăn của các trang trại được điều tra tại huyện Ba Chẽ năm 2019

Nội dung	Số trang trại	Tỷ lệ (%)
Thiếu đất	01	10
Thiếu vốn và khó tiếp cận với vay tín dụng	06	60
Khó tiêu thụ sản phẩm	08	80
Thiếu hiểu biết khoa học kỹ thuật	06	60
Thiếu thông tin về thị trường	04	40
Khó khăn trong quản lý chất lượng sản phẩm	04	40
Ít được thăm quan, học hỏi mô hình trang trại hoạt động hiệu quả	06	60

(Nguồn: Số liệu điều tra trang trại năm 2019)

Từ kết quả điều tra (bảng 7) đã chỉ ra một số khó khăn hiện tại mà các trang trại gặp phải như: Khó tiêu thụ sản phẩm là 08/10 trang trại (chiếm 80%); Thiếu nguồn vốn, khó tiếp cận với vay tín dụng, thiếu hiểu biết về khoa học kỹ thuật, ít được thăm quan, học hỏi mô hình trang trại hoạt động có hiệu quả là 06/10 trang trại (chiếm 60%); thiếu thông tin về thị trường, gặp khó khăn trong quản lý chất lượng sản phẩm 04/10 trang trại (chiếm 40%). Thiếu đất là 01/10 trang trại (chiếm 10%). Trong đó khó khăn lớn nhất mà hầu hết các trang trại đang gặp phải là khó khăn về thị trường tiêu

thụ bởi hàng hóa chủ yếu dựa vào thương lái buôn và bán thủ công nên thị trường không ổn định về mức giá. Nhiều lúc được mùa, năng suất cao thì giá thành sản phẩm lại bị thương lái ép giá. Chưa có cơ chế phát triển thị trường và thương hiệu cho các sản phẩm để mang tính chất ổn định về đầu ra, nên người dân luôn lo lắng về vấn đề đầu ra cho sản phẩm của trang trại mình. Ngoài ra, các khó khăn về tiếp cận khoa học, nguồn vốn, mô hình trang trại phát triển vẫn còn chiếm tỷ lệ cao.

- *Những nguyện vọng*

Bảng 8. *Nguyện vọng của các chủ trang trại được điều tra tại huyện Ba Chẽ*

Nội dung	Số trang trại	Tỷ lệ (%)
Được hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	10	100
Được vay vốn ngân hàng	10	100
Được tham quan, học hỏi các mô hình trang trại hoạt động có hiệu quả	08	80
Được tiếp cận thường xuyên thông tin về thị trường	10	100
Được hỗ trợ quản lý chất lượng sản phẩm	06	60
Được hỗ trợ đào tạo kiến thức quản lý, khoa học kỹ thuật	10	100

(Nguồn số liệu điều tra trang trại năm 2019)

Nguyện vọng của các chủ trang trại được điều tra thể hiện rõ trong bảng 8 cho thấy: nguyện vọng được hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, vay vốn ngân hàng, tiếp cận thường xuyên với thông tin thị trường và được hỗ trợ đào tạo kiến thức quản lý, khoa học kỹ thuật là cả 10/10 chủ trang trại đều có nguyện vọng (chiếm tỷ lệ 100%); tiếp là nguyện vọng được tham quan học hỏi các mô hình trang trại hoạt động có hiệu quả là 08/10 trang trại (chiếm 80%) và 6/10 chủ trang trại có nguyện vọng được hỗ trợ quản lý chất lượng sản phẩm.

Tất cả các chủ trang trại đều có nguyện vọng làm thế nào để ngày càng phát triển trang trại của mình. Điều này đặt ra các vấn đề đối với các cấp lãnh đạo của huyện Ba Chẽ làm cách nào để tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định cho người dân, hướng dẫn người dân tiếp cận nguồn vốn, để phát triển mô hình kinh tế trang trại trên địa bàn.

3.3.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Qua nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế trang trại tại huyện Ba Chẽ cho thấy một số tồn tại hạn chế mà các trang trại đang gặp phải hiện nay là: Đa số các trang trại đang hoạt động tại huyện Ba Chẽ đều có quy mô nhỏ, còn mang tính tự phát, chưa đồng đều.

Chủ trang trại ít được tham gia học tập các lớp về kỹ năng kinh doanh, quản lý, kinh tế thị trường; được tham gia thăm quan, học tập các mô hình trang trại hoạt động có hiệu quả. Một số chủ trang trại chưa quan tâm cập nhật các thông tin về thị trường, dẫn đến khi giá cả trên thị trường thay đổi, không kịp phản ứng trước sự thay đổi của thị trường.

Địa hình của huyện bị đồi núi chia cắt, giao thông đi lại khó khăn nên gây ra nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm của trang trại làm ra. Do đó, 100% các sản phẩm của trang trại bán ra là bán cho tư thương và các hộ dân khác trên địa bàn. Hiện nay, chưa có một trang trại nào ký kết được hợp đồng với các doanh nghiệp, nhà máy để tiêu thụ sản phẩm cho trang trại.

Xuất phát điểm về phát triển kinh tế xã hội của huyện Ba Chẽ còn thấp, phần lớn là người dân tộc thiểu số nên trình độ dân trí còn thấp, dẫn đến việc tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật của chủ trang trại chưa qua đào tạo còn hạn chế (chiếm tới 60%).

Nguồn kinh phí và nhân lực có hạn nên huyện chưa mở được nhiều và thường xuyên các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho chủ trang trại, đặc biệt là việc thăm quan, học tập các mô hình trang trại có hiệu quả, cho thu nhập cao. Vốn vay chiếm tỷ lệ cao trong tổng vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh của các trang trại. Số trang trại thiếu vốn sản xuất kinh doanh chiếm tỷ lệ lớn (60% tổng số trang trại tại huyện).

Trên địa bàn huyện hiện nay có nhiều trang trại hoạt động sản xuất, nhưng trong đó có 10 trang trại được cấp Giấy chứng nhận KTTT và 15 trang trại mới chỉ đạt được 70% tiêu chí. Tất cả các trang trại này đều chưa đáp ứng được điều kiện quy mô giá trị sản xuất [7], [11].

Hiện nay, huyện chưa có các vùng quy hoạch chăn nuôi tập trung nên chưa có kế hoạch đưa các trang trại chăn nuôi vào vùng quy hoạch chăn nuôi tập trung, xa khu dân cư. Một số trang trại chăn nuôi vẫn gần khu dân cư, nước thải từ trang trại được thải trực tiếp ra ngoài môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của người dân ở xung quanh

Chưa thực sự quyết liệt trong việc xử lý các trang trại, nhất là trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm gây ô nhiễm môi trường [12].

3.4. Đề xuất giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại tại huyện Ba Chẽ

Xuất phát từ những hạn chế còn tồn tại và từ quan điểm, định hướng phát triển kinh tế trang trại tại huyện Ba Chẽ đến năm 2025, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển KTTT trên địa bàn huyện Ba Chẽ trong thời gian tới như sau:

3.4.1. Giải pháp về đất đai

Vận động, tuyên truyền để thay đổi nhận thức của người nông dân về sự cần thiết phải tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất hàng hóa quy mô lớn còn chưa đầy đủ, chưa thống nhất. Nhất là nhận thức của người nông dân, mặc dù sản xuất nông nghiệp không hiệu quả, bản thân người nông dân cũng không có khả năng nâng cao hiệu quả sản xuất, không gắn bó với nghề nông và tuy đã làm nghề khác nhưng vẫn có tâm lý cố giữ lấy ruộng đất như vật bảo đảm sinh kế cuối cùng nếu mất việc.

3.4.2. Giải pháp về chính sách tín dụng

Áp dụng chế độ tín dụng tài trợ, sử dụng hình thức đi vay thông qua sự bảo lãnh vay của các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên [13].

Miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật khi thuê đất trồng đồi núi trọc, đất hoang hoá, diện tích đất xen kẽ do UBND xã quản lý để trồng rừng, trồng cây lâu năm, cây bản địa vừa có giá trị kinh tế vừa có tác dụng bảo vệ nguồn nước và khi thuê diện tích các vùng nước tự nhiên chưa có đầu tư cải tạo vào mục đích nuôi trồng thủy sản.

3.4.3. Giải pháp về thị trường

Xây dựng các mô hình kinh tế trong nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường (ví dụ như mô hình VietGap, Occoop...)

Xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực của địa phương đáp ứng được các yếu tố: sản xuất trên quy mô lớn với mức độ cơ giới hóa cao, có khối lượng và giá trị tiêu thụ lớn, chất lượng đồng đều, giá bán cạnh tranh, có khả năng đáp ứng được nhu cầu cả trong và ngoài nước.

Tổ chức dự báo thị trường, mở rộng hình thức thông tin kinh tế. Khuyến khích thành lập hợp tác xã, tổ hợp dịch vụ chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm. Mở rộng và phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm. Thiết lập hệ thống thông tin thị trường thông qua hệ thống Trung tâm Truyền thông và Văn hoá từ tỉnh, huyện xuống xã để kịp thời phát thanh về thông tin thị trường Việt Nam cũng như thế giới cho bà con nông dân nắm, không bị ép giá và định hướng sản xuất tốt. [14]

3.4.4. Giải pháp về khoa học công nghệ

Tập trung nguồn lực khoa học công nghệ cho việc phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, phát triển nông nghiệp cao, nông nghiệp sạch.

Hình thành các câu lạc bộ khuyến nông cho các chủ trang trại theo ngành sản xuất, như các trang trại sản xuất cây ăn quả, nuôi gà, vịt, nuôi lợn, nuôi trâu bò, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng với qui mô vừa và lớn, khối lượng hàng hóa nhiều ở từng địa phương, đi vào từng chuyên đề thiết thực.

Khuyến khích lập hợp tác xã liên kết tự nguyện giữa các trang trại cùng loại hình cây trồng, như vậy có thể tập hợp nguồn lực vốn, để đầu tư máy móc tốt và tận dụng hết công suất hiệu quả của máy [15].

4. Kết luận

KTTT ở huyện Ba Chẽ đã có sự phát triển qua các năm cả về số lượng và chất lượng. Sự phát triển của KTTT đã góp phần tạo ra việc làm cho các lao động khác trên địa bàn huyện từ đó tăng thêm thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số tồn tại đã và đang ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các trang trại như trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của chủ trang trại còn thấp; số trang trại thiếu vốn sản xuất kinh doanh còn chiếm tỷ lệ cao; chưa có thị trường ổn định để tiêu thụ sản phẩm; số trang trại áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn ít,... Trong thời gian tới, nhằm đẩy mạnh phát triển KTTT trên địa bàn huyện Ba Chẽ thì chính quyền địa phương cần phối hợp với các chủ trang trại thực hiện tốt một số giải pháp về đất đai, tín dụng, thị trường và khoa học công nghệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Ministry of Agriculture and Rural Development, *Final Report 2018*, 2018.
- [2] P. H. Dinh, "Farm economy, a "breakthrough force" to promote sustainable agricultural development in Vietnam," (in Vietnamese), *Journal of Development and Integration*, no. 8, pp. 16-19, December 2010.
- [3] Q. V. Le and D. C. Bui, "Farm economy development in Can Loc district, Ha Tinh province," (in Vietnamese), *Science and Technology Journal of Agriculture and Rural Development*, no. 5, pp. 10-19, 2016.
- [4] K. H. Nguyen, "Development of farm economy in the market economy," (in Vietnamese), *Science and Technology Journal of Agriculture and Rural Development*, vol. 1, no. 57, pp. 12-15, April 2005.
- [5] V. T. Nguyen and V. S. Nguyen, "The efficiency of agricultural cooperatives in Ra Giai district, Bac Lieu province," (in Vietnamese), *Science and Technology Journal of Agriculture and Rural Development*, no. 6, pp. 9-15, 2015.
- [6] General Statistics Office, *Press release on preliminary results of the Rural, Agricultural and Fishery Census*, 2019.
- [7] Ministry of Agriculture and Rural Development, *Circular No. 27/2011/TT-BNNPTNT dated 13/4/2011 of the regulating criteria and procedures for issuing farm economic certificates*, 2011.
- [8] People's Committee of Quang Ninh province, *Socio-economic plan of Quang Ninh province up to 2020*, 2018.
- [9] Rural Development Sub-Department of Quang Ninh Province, *Report on assessment of the implementation results of the tasks in 2019 and orientation and tasks for 2020*, 2019.
- [10] Ba Che District Statistical Office, *Ba Che District Statistical Yearbook*, 2019.
- [11] Ministry of Agriculture and Rural Development, *Circular No. 02/2020/TT-BNNPTNT dated 28/02/2020 of regulating farm economic criteria*, 2020.
- [12] Division of Agriculture and Rural Development in Ba Che district, *Report 2017, 2018, 2019*.
- [13] Ministry of Agriculture and Rural Development, *Policy to encourage farm economic development*, August 28, 2016.
- [14] A. V. Le and D. D. Nguyen, *Household and farm economic development associated with sustainable poverty reduction in the Central Highlands*. Social Science Publishing House, (in Vietnamese), 2017.
- [15] Party Committee of Ba Che district, *Resolution No. 01-NQ / ĐU, dated June 25, 2020 on the Resolution of the XXV Party Congress of Ba Che District, term 2020-2025*, 2020.